

Số/No:.....26/TN5/0867-01.....

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/0859

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải lò nung chảy nhôm 800kg Tọa độ 20°39'46,54'' – 105°55'33,09''.**
Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**
Ngày lấy mẫu: 13/04/2026
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 13/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.
Ngày hoàn thành: 22/05/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19: 2009 BTNMT-B		Kết quả
				Kp = 0,8; Kv = 1,0	Kp = 0,8; Kv = 0,8	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160	≤ 128	< 15.0
2	HF	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	≤ 16	≤ 12,8	KPH (GPHH = 0,50)
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 800	≤ 640	3,42
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 400	≤ 320	0
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 680	≤ 544	1,75
6	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	-	9.652
7	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	-	2,04
8	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	-	45,9

Ghi chú:
- QCVN 19:2009/BTNMT-B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi tổng và các chất vô cơ – cột B (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GPHH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0867-02.....

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/0860

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải lò nung chảy nhôm 2000kg Tọa độ 20°39'45,69'' – 105°55'32,86''.**
Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**
Ngày lấy mẫu: 13/04/2026
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 13/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.
Ngày hoàn thành: 22/05/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19: 2009 BTNMT-B		Kết quả
				Kp = 0,8; Kv = 1,0	Kp = 0,8; Kv = 0,8	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160	≤ 128	< 15,0
2	HF	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	≤ 16	≤ 12,8	KPH (GPH = 0,50)
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 800	≤ 640	5,32
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 400	≤ 320	0
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 680	≤ 544	0,84
6	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	-	12.760
7	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	-	4,28
8	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	-	75,4

Ghi chú: - QCVN 19:2009/BTNMT-B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi tổng và các chất vô cơ – cột B (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0921-01

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/0868

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải PA 1 - Ống khói TC1 – ABS 5.1 - Tọa độ 20°39'36,01'' - 105°55'43,94''.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 16/04/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 16/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.

Ngày hoàn thành: 22/05/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GPH = 1,0)
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GPH = 1,0)
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	KPH (GPH = 1,0)
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	36.346
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,43
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	26,5

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026



GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0901-01

Trang/Page:.....1/1...

VIMCERTS 093/2026/0864

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải PA3 - Ống khói UC1 – ABS 5.1 - Tọa độ 20°39'40,63'' - 105°55'39,92''.**
Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**
Ngày lấy mẫu: 15/04/2026.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 15/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.
Ngày hoàn thành: 22/05/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GPH = 1,0)
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	32,5
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	KPH (GPH = 1,0)
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	38.539
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	7,55
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	27,1

Ghi chú:
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0921-02

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/0869

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải PA2 - Ống khói TC2 – ABS 5.2 - Tọa độ 20°39'40,18" - 105°55'39,93"**.

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 16/04/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 16/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.

Ngày hoàn thành: 22/05/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	16,4
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	9,14
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	12,0
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	14,9
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	21.640
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	3,37
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	25,9

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_p = 0,8; K_v = 1,0);
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0901-02

Trang/Page:.....1/1...

VIMCERTS 093/2026/0865

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải PA4 - Ống khói UC2 – ABS 5.2 - Tọa độ 20°39'39,97'' - 105°55'40,9''.**
Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**
Ngày lấy mẫu: 15/04/2026.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 15/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.
Ngày hoàn thành: 22/05/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GPH = 1,0)
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GPH = 1,0)
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	KPH (GPH = 1,0)
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	16.178
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,63
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	27,1

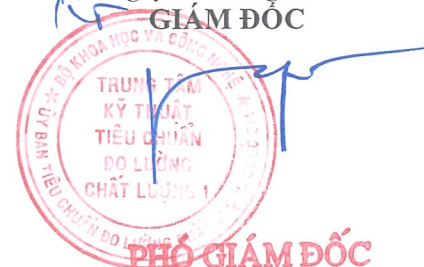
Ghi chú:
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0935-01

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/0872

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải PA 5 - Ống khói UC AUTO – ABS 6 - Tọa độ 20°39'40,74'' - 105°55'40,96''.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 17/04/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 17/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.

Ngày hoàn thành: 22/05/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GPH = 1,0)
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GPH = 1,0)
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	KPH (GPH = 1,0)
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	18.216
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	0,61
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	25,4

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **“*”** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH:** Không phát hiện; **GPH:** giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm



Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0921-03

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/0870

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải PA6 - Ống khói UC MANU – ABS 6 - Tọa độ 20°39'42,32'' - 105°55'40,98''.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 16/04/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 16/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.

Ngày hoàn thành: 22/05/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	10,3
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	6,95
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	98,7
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	9,68
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	25.758
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	4,08
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	25,5

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

**PHÓ GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0935-02

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/0873

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải PA7 - Ống khói TC AUTO – ABS 6 - Tọa độ 20°39'42,33" - 105°55'40,25"**.

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 17/04/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 17/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.

Ngày hoàn thành: 22/05/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPHH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	7,22
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	6,84
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	139
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	13,9
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	19.145
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	2,14
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	25,1

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GPHH**: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

**PHÓ GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0935-03

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/0874

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải PA8 - Ống khói TC MANU – ABS 6 - Tọa độ 20°39'42,86" - 105°55'40,21"**.

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 17/04/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 17/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.

Ngày hoàn thành: 22/05/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GPH = 1,0)
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GPH = 1,0)
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	KPH (GPH = 1,0)
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	20.182
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,63
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	25,6

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH:** Không phát hiện; **GPH:** giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0935-04

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/0875

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải PA 9 - Ống khói UC Auto - ABS 6.2 - Tọa độ 20°39'42,32'' - 105°55'40,98''.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 17/04/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 17/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.

Ngày hoàn thành: 22/05/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GPH = 1,0)
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GPH = 1,0)
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	KPH (GPH = 1,0)
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	26.209
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	3,98
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	26,0

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH:** Không phát hiện; **GPH:** giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0953-01

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/0883

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải PA10 - Ống khói UC MANU – ABS 6.2 - Tọa độ 20°39'42,85'' - 105°55'40,98''.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 20/04/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 20/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.

Ngày hoàn thành: 22/05/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GPH = 1,0)
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GPH = 1,0)
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	KPH (GPH = 1,0)
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	19.394
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	2,35
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	26,3

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM
KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG 1

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0953-02

Trang/Page:.....1/1
VIMCERTS 093/2026/0884

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải PA11 - Ống khói TC AUTO – ABS 6.2 - Tọa độ 20°39'42,79'' - 105°55'40,99''.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 20/04/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 20/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.

Ngày hoàn thành: 22/05/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPHH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	53,6
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	15,8
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	49,2
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	19,5
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	19.074
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	2,24
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	26,2

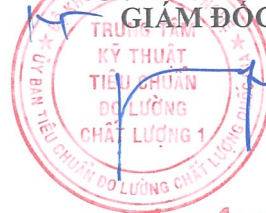
Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GPHH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full; without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0953-03

Trang/Page:.....1/1
VIMCERTS 093/2026/0885

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải PA12 - Ống khói TC MANU – ABS 6.2 - Tọa độ 20°39'42,72" - 105°55'40,98".

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 20/04/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 20/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.

Ngày hoàn thành: 22/05/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	7,20
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	5,95
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	127
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	9,12
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	16.517
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,53
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	25,6

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_p = 0,8; K_v = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0891-01.....

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/0861

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải hệ thống xử lý khói xưởng WE - Ống khói số 1
Tọa độ 20°39'42,08'' – 105°55'44,23''.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 14/04/2026

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 14/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.

Ngày hoàn thành: 22/05/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19: 2009 BTNMT-B		Kết quả
				(Kp = 0,8; Kv = 1,0)	(Kp = 0,8; Kv = 0,8)	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160	≤ 128	< 15.0
2	Axit Clohydric, HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	≤ 40	≤ 32	KPH (GPHH = 0,50)
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 800	≤ 640	1,14
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 400	≤ 320	0
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 680	≤ 544	0
6	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 6,0	≤ 4,8	KPH (GPHH = 1,0)
7	Chì và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 4	≤ 3,2	KPH (GPHH = 0,01)
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	-	78.619
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	-	5,20
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	-	27,3

Ghi chú: - QCVN 19:2009/BTNMT-B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi tổng và các chất vô cơ – cột B (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GPHH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/0891-02

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2026/0862

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/0891-02 ra ngày 25/05/2026)

Tên mẫu thử: **Khí thải hệ thống xử lý khói xưởng WE - Ống khói số 2
Tọa độ 20°39'42,06" – 105°55'44,52"**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 14/04/2026

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 14/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.

Ngày hoàn thành: 22/05/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19: 2009 BTNMT-B		Kết quả
				(Kp = 0,8; Kv = 1,0)	(Kp = 0,8; Kv = 0,8)	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160	≤ 128	< 15,0
2	Axit Clohydric, HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	≤ 40	≤ 32	KPH (GHPH = 0,50)
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 800	≤ 640	1,14
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 400	≤ 320	0
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 680	≤ 544	0
6	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 6,0	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
7	Chì và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 4	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	-	50.016
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	-	2,86
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	-	27,3

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT-B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi tổng và các chất vô cơ – cột B (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2026



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/0891-03

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2026/0863

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/0891-03 ra ngày 25/05/2026)

Tên mẫu thử: **Khí thải FI.**
Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**
Ngày lấy mẫu: 14/04/2026
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 14/04/2026 đến ngày: 22/05/2026.
Ngày hoàn thành: 22/05/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19: 2009 BTNMT-B		Kết quả
				Kp = 0,8; Kv = 1,0	Kp = 0,8; Kv = 0,8	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160	≤ 128	< 15.0
2	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 6,0	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 800	≤ 640	2,66
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 400	≤ 320	0
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 680	≤ 544	0
6	n-hexan	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 450*	≤ 450*	KPH(GHPH = 1,0)
7	n-heptan	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 2000*	≤ 2000*	KPH(GHPH = 1,0)
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	-	1.724
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	-	0,10
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	-	30,6

Ghi chú: - QCVN 19:2009/BTNMT-B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi tổng và các chất vô cơ – cột B (Kp = 0,8; Kv = 1,0); KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;

- *: So sánh với QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 11 tháng 06 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.